|  |  |
| --- | --- |
| UBND HUYỆN IA GRAI**BỘ PHẬN TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ** | ***Mẫu số 01*** |

**Phiếu đánh giá Bộ phận một cửa các cấp và các cơ quan, đơn vị, tổ chức có thẩm quyền giải quyết TTHC**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần** | **Điểm tối đa** | **Điểm đánh giá** | **Ghi chú** |
| **1** | **Thực hiện tổ chức tiếp nhận hồ sơ, giải quyết, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa** | **2** |  |  |
| 1.1 | Bộ phận Một cửa của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh tiếp nhận, xem xét, thẩm định, phê duyệt hoặc trình phê duyệt và trả kết quả đối với tối thiểu 20% số lượng TTHC theo danh mục TTHC tiếp nhận tại Bộ phận Một cửa do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành; Bộ phận Một cửa cấp huyện tiếp nhận, xem xét, thẩm định, phê duyệt hoặc trình phê duyệt và trả kết quả đối với tối thiểu 50% số lượng TTHC theo danh mục tiếp nhận của cấp huyện; Bộ phận Một cửa cấp xã tiếp nhận, xem xét, thẩm định, phê duyệt hoặc trình phê duyệt và trả kết quả đối với 100% TTHC thuộc danh mục tiếp nhận của cấp xã: *2 điểm* | *2* |   |   |
| 1.2 | 100% TTHC thuộc thẩm quyền được tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa các cấp (trừ các TTHC quy định tại các Điểm a, b Khoản 5 Điều 14 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP): *1 điểm* | *1* |   |   |
| 1.3 | Dưới 100% TTHC thuộc thẩm quyền được tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa các cấp (trừ các TTHC quy định tại các Điểm a, b Khoản 5 Điều 14 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP): *0 điểm* | *0* |   |   |
| **2** | **Công khai thủ tục hành chính** | **2** |  |  |
| 2.1 | Được công khai chính xác, đầy đủ, kịp thời bằng 2 hình thức sau: hình thức niêm yết *(tại Bộ phận Một cửa, nơi giải quyết TTHC)* và hình thức điện tử *(gồm các phương thức: trên Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị; trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh; trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh): 2 điểm* | *2* |   |   |
| 2.2 | Được công khai chính xác, đầy đủ, kịp thời bằng hình thức niêm yết và thêm 01 (một) phương thức điện tử nêu tại điểm 2.1 mục này: *1 điểm* | *1* |   |   |
| 2.3 | Không được công khai chính xác, đầy đủ, kịp thời hoặc được công khai chính xác, đầy đủ, kịp thời bằng 01 (một) hình thức (niêm yết hoặc điện tử) nêu tại điểm 2.1 mục này: *0 điểm* | *0* |   |   |
| **3** | **Tiếp thu, giải trình đối với các ý kiến phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân** | **2** |  |  |
| 3.1 | Không có phản ánh, kiến nghị hoặc 100% phản ánh, kiến nghị được xử lý đúng thời hạn theo quy định và không có phản ánh, kiến nghị kéo dài: *2 điểm* | *2* |   |   |
| 3.2 | Tối thiểu từ 90% phản ánh, kiến nghị trở lên được xử lý đúng thời hạn theo quy định và không xử lý kéo dài: *1 điểm* | *1* |   |   |
| 3.3 | Dưới 90% phản ánh, kiến nghị được xử lý đúng thời hạn theo quy định hoặc có phản ánh, kiến nghị kéo dài: *0 điểm* | *0* |   |   |
| **4** | **Tiến độ và chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến của cơ quan có thẩm quyền** | ***2*** |  |  |
| 4.1 | Tối thiểu 20% thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu được đưa vào triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4; tỷ lệ hồ sơ trực tuyến trong tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 30%; và không có hồ sơ trực tuyến nào không giải quyết hoặc giải quyết quá hạn: *2 điểm* | *2* |   |   |
| 4.2 | Có triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 đối với thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu; tỷ lệ hồ sơ trực tuyến trong tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 15% đến dưới 30%; và không có hồ sơ trực tuyến không được giải quyết hoặc giải quyết quá hạn: *1 điểm* | *1* |   |   |
| 4.3 | Không triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 hoặc tỷ lệ hồ sơ trực tuyến trong tổng số hồ sơ đạt dưới 15%; hoặc có hồ sơ trực tuyến không được giải quyết hoặc quá hạn: *0 điểm* | *0* |   |   |
| **Tổng cộng:** | **8** |   |   |

|  |  |
| --- | --- |
| UBND HUYỆN IA GRAI**BỘ PHẬN TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ** | ***Mẫu số 02*** |

**Phiếu đánh giá cán bộ, công chức, viên chức giải quyết TTHC**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tiêu chí/Tiêu chí thành phần** | **Điểm tối đa** | **Điểm đánh giá** | **Ghi chú** |
| **1** | **Tổng thời gian giải quyết thủ tục hành chính so với thời gian cho phép theo quy định của pháp luật** | **2** |  |  |
| 1.1 | Tổng thời gian ngắn hơn so với quy định: *2 điểm* | *2* |   |   |
| 1.2 | Tổng thời gian bằng thời gian quy định: *1 điểm* | *1* |   |   |
| 1.3 | Tổng thời gian dài hơn so với quy định: *0 điểm* | *0* |   |   |
| **2** | **Thời gian thực hiện của từng cơ quan, đơn vị tham gia giải quyết (kể cả đơn vị phối hợp) so với quy định** | **2** |  |  |
| 2.1 | Cơ quan, đơn vị xử lý ngắn hơn so với thời hạn quy định: *2 điểm* | *2* |   |   |
| 2.2 | Cơ quan, đơn vị xử lý bằng thời hạn quy định: *1 điểm* | *1* |   |   |
| 2.3 | Cơ quan, đơn vị xử lý dài hơn so với thời hạn quy định: *0 điểm* | *0* |   |   |
| **3** | **Số lần phải liên hệ với nơi tiếp nhận hồ sơ để hoàn thiện hồ sơ thủ tục hành chính** *(kể cả liên hệ theo hình thức trực tuyến)* | **2** |  |  |
| 3.1 | Không phải liên hệ với nơi tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính lần nào để hoàn thiện hồ sơ: *2 điểm* | *2* |   |   |
| 3.2 | Chỉ phải một lần liên hệ với nơi tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính để hoàn thiện hồ sơ: *1 điểm* | *1* |   |   |
| 3.3 | Phải hơn một lần liên hệ với nơi tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính để hoàn thiện hồ sơ, trừ trường hợp nguyên nhân do lỗi của người nộp hồ sơ: *0 điểm* | *0* |   |   |
| **4** | **Số lượng cơ quan, đơn vị, tổ chức phải liên hệ để hoàn thiện hồ sơ thủ tục hành chính** *(kể cả hình thức trực tuyến)* | **2** |  |  |
| 4.1 | Không phải liên hệ với cơ quan, đơn vị, tổ chức nào để hoàn thiện hồ sơ thủ tục hành chính: *2 điểm* | *2* |   |   |
| 4.2 | Phải liên hệ với 01 cơ quan, đơn vị, tổ chức để hoàn thiện hồ sơ thủ tục hành chính: *1 điểm* | *1* |   |   |
| 4.3 | Phải liên hệ với hơn một cơ quan, đơn vị, tổ chức: *0 điểm* | *0* |   |   |
| **5** | **Công khai thủ tục hành chính** | **2** |  |  |
| 5.1 | Được công khai chính xác, đầy đủ, kịp thời bằng 2 hình thức sau: hình thức niêm yết *(tại Bộ phận Một cửa, nơi giải quyết TTHC)* và hình thức điện tử *(gồm các phương thức: trên Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị; trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh; trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh):* *2 điểm* | *2* |   |   |
| 5.2 | Được công khai chính xác, đầy đủ, kịp thời bằng hình thức niêm yết và thêm 01 (một) phương thức thức điện tử nêu tại điểm 5.1 mục này: *1 điểm* | *1* |   |   |
| 5.3 | Không được công khai chính xác, đầy đủ, kịp thời hoặc được công khai chính xác, đầy đủ, kịp thời bằng 01 (một) hình thức (niêm yết hoặc điện tử) nêu tại điểm 5.1 mục này: *0 điểm* | *0* |   |   |
| **6** | **Thái độ của cán bộ, công chức, viên chức khi hướng dẫn lập hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính** | **2** |  |  |
| 6.1 | Tiếp nhận, xử lý, trả kết quả hồ sơ sớm hơn thời hạn quy định và không có ý kiến phản ánh, kiến nghị về hành vi, thái độ nhũng nhiễu, gây phiền hà, không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định pháp luật: *2 điểm* | *2* |   |   |
| 6.2 | Tiếp nhận, xử lý, trả kết quả hồ sơ đúng thời hạn quy định và không có ý kiến phản ánh, kiến nghị về hành vi, thái độ nhũng nhiễu, gây phiền hà, không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định pháp luật: *1 điểm* | *1* |   |   |
| 6.3 | Có ý kiến phản ánh, kiến nghị về hành vi, thái độ nhũng nhiễu, gây phiền hà, không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định pháp luật *(Trường hợp phản ánh, kiến nghị được cơ quan có thẩm quyền xác minh, kết luận là không đúng hoặc vu cáo thì không được tính vào đánh giá này):* *0 điểm* | *0* |   |   |
| **Tổng cộng:** | **12** |   |   |